

Số: 1328/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2020 - 2021  
đối với sinh viên K61 ĐH và CĐ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/1/2018;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc được ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐTĐHTB ngày 14/11/2020 của Hội đồng Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đánh giá điểm rèn luyện đối với người học đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy Trường Đại học Tây Bắc được ban hành theo Quyết định 1336/QĐ-ĐHTB ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc

Căn cứ Biên bản số 1608/BB-ĐHTB ngày 16/12/2021 về việc họp Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên K61 ĐH và CĐ hệ chính quy học kỳ 2, năm học 2020-2021 của Hội đồng cấp Trường;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị - Quản lý người học và Trường phòng Kế toán - Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

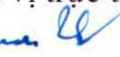
**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2020 - 2021 đối với 52 sinh viên K61 ĐH và CĐ, cụ thể như sau:

| STT | Khối     | Mức HB/tháng | Số lượng SV | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng số tiền |
|-----|----------|--------------|-------------|---------------|----------|--------------|
| 1   | Cao đẳng | 780,000      | 5           | 3,900,000     | 5        | 19,500,000   |
|     |          | 830,000      | 1           | 830,000       | 5        | 4,150,000    |
|     |          | 880,000      | 0           | 0             | 5        | 0            |

|      |         |           |    |            |   |             |
|------|---------|-----------|----|------------|---|-------------|
| 2    | Đại học | 980,000   | 21 | 20,580,000 | 5 | 102,900,000 |
|      |         | 1,030,000 | 24 | 24,720,000 | 5 | 123,600,000 |
|      |         | 1,080,000 | 1  | 23,760,000 | 5 | 5,400,000   |
| Tổng |         |           | 52 | 51,110,000 |   | 255,550,000 |

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Học bổng khuyến khích học kỳ 2, năm học 2020 - 2021 đối với 52 sinh viên K61 ĐH và CĐ được cấp 05 tháng (từ tháng 2/2021 đến tháng 6/2021). Tiền học bổng khuyến khích của các sinh viên được cấp thông qua tài khoản của cá nhân.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị trực thuộc, các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường, Phòng CTCT-QLNH;
- Lưu: TC-HC, KT-TC (4 bản), CTCT (2 bản).



**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Đinh Thanh Tâm**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 KHOA CƠ SỞ HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

**Học kỳ 2, năm học 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 4528/QĐ-DHTB ngày 17 tháng 12 năm 2021)

| STT                             | Mã SV     | Họ tên đệm         | Tên  | Phái | Ngày sinh | ĐTBHB | ĐRL | Loại HB | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng tiền         | Số TK        |
|---------------------------------|-----------|--------------------|------|------|-----------|-------|-----|---------|---------------|----------|-------------------|--------------|
| <b>K61 DH Giáo dục Thể chất</b> |           |                    |      |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                               | 2020A0885 | Hà Thị Ngọc        | Uyên | Nữ   | 22/09/01  | 2.89  | 77  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 102872834717 |
| <b>Cộng lớp</b>                 |           |                    |      |      |           |       |     |         |               |          | <b>4,900,000</b>  |              |
| <b>K61 DH Sư phạm Tiếng Anh</b> |           |                    |      |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                               | 2020A0447 | Lò Thị Thanh       | Nhàn | Nữ   | 30/11/98  | 3.16  | 79  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 102872540535 |
| 2                               | 2020A0927 | Nguyễn Hoàng Vương | Cầm  | Nữ   | 13/07/95  | 3.24  | 81  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 102872834623 |
| <b>Cộng lớp</b>                 |           |                    |      |      |           |       |     |         |               |          | <b>10,050,000</b> |              |
| <b>Cộng khoa</b>                |           |                    |      |      |           |       |     |         |               |          | <b>14,950,000</b> |              |

Sơn la, ngày 17 tháng 12 năm 2021

Trưởng Khoa

Phòng CTCT - QLNH

Dương Văn Mạnh

Người lập biểu

Nguyễn Tự Cường

Phòng Kế toán - Tài chính

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT-TC  
T. S. Nguyễn Thị Mai Hồng

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG  
TS. Đinh Thanh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 KHOA KINH TẾ HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

**Học kỳ 2, năm học 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 128/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 12 năm 2021)

| STT                               | Mã SV     | Họ tên đệm | Tên   | Phái | Ngày sinh | ĐTBHB | ĐRL | Loại HB | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng tiền         | Số TK        |
|-----------------------------------|-----------|------------|-------|------|-----------|-------|-----|---------|---------------|----------|-------------------|--------------|
| <b>K61 DH Quản trị kinh doanh</b> |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                                 | 2020A0707 | Trần Quang | Vũ    | Nam  | 22/09/01  | 3     | 90  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 106872540665 |
| <b>Cộng lớp</b>                   |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>4,900,000</b>  |              |
| <b>K61 DH Kế toán</b>             |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                                 | 2020A0530 | Bùi Ngọc   | Huyền | Nữ   | 30/12/98  | 2.65  | 72  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 107872540640 |
| 2                                 | 2020A0715 | Lương Thị  | Diệp  | Nữ   | 02/04/02  | 3     | 90  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 106872540641 |
| 3                                 | 2020A0942 | Vũ Ngọc    | Tú    | Nam  | 19/04/02  | 2.59  | 71  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 105872595514 |
| <b>Cộng lớp</b>                   |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>14,700,000</b> |              |
| <b>Cộng khoa</b>                  |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>19,600,000</b> |              |

Sơn la, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KT. Trưởng Khoa Đặng Huyền Trang

Đặng Huyền Trang

Phòng Kế toán - Tài chính ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng

ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT-TC  
ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng

Phòng CTCT - QLNH

Dương Văn Mạnh  
Dương Văn Mạnh

Dương Văn Mạnh

Người lập biểu

Nguyễn Tự Cường  
Nguyễn Tự Cường

Nguyễn Tự Cường

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG  
TS. Đinh Thanh Tâm



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN - CÔNG NGHỆ HUỖNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**  
**Học kỳ 2, năm học 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 1328/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 12 năm 2021)

| STT                            | Mã SV     | Họ tên đệm      | Tên    | Phái | Ngày sinh | ĐTBHB | ĐRL | Loại HB | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng tiền         | Số TK        |
|--------------------------------|-----------|-----------------|--------|------|-----------|-------|-----|---------|---------------|----------|-------------------|--------------|
| <b>K61 ĐH Sư phạm Toán học</b> |           |                 |        |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                              | 2020A0890 | Ngô Thị Thu     | Phương | Nữ   | 18/09/02  | 2.87  | 68  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 102872834662 |
| 2                              | 2020A0887 | Nguyễn Thị Thảo | Mai    | Nữ   | 14/12/02  | 3.65  | 91  | X.sắc   | 1,080,000     | 5        | 5,400,000         | 104872834660 |
| Cộng lớp                       |           |                 |        |      |           |       |     |         |               |          | <b>10,300,000</b> |              |
| Cộng khoa                      |           |                 |        |      |           |       |     |         |               |          | <b>10,300,000</b> |              |

Sơn la, ngày 17 tháng 12 năm 2021

P. Trưởng Khoa g  
Chữ  
Lê Thị Mai Thu

Phòng CTCT - QLNH

Chữ

Dương Văn Mạnh

Người lập biểu

Chữ

Nguyễn Tự Cường

Phòng Kế toán - Tài chính te

Chữ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT-TC  
ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng



Ban Giám hiệu

HIỆU TRƯỞNG  
TS. Đinh Thanh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 KHOA TIỂU HỌC - MẦM NON HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ 2, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: B28/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 12 năm 2021)

| STT                              | Mã SV     | Họ tên đệm      | Tên   | Phái | Ngày sinh | ĐTBHB | ĐRL | Loại HB | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng tiền         | Số TK        |
|----------------------------------|-----------|-----------------|-------|------|-----------|-------|-----|---------|---------------|----------|-------------------|--------------|
| <b>K61 CĐ Giáo dục Mầm non</b>   |           |                 |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                                | 2020A0867 | Hà Thị Vân      | Anh   | Nữ   | 03/02/01  | 2.8   | 71  | Khá     | 780,000       | 5        | 3,900,000         | 103872834703 |
| 2                                | 2020A0060 | Là Thị          | Vân   | Nữ   | 09/08/01  | 3.4   | 86  | Giỏi    | 830,000       | 5        | 4,150,000         | 103872540559 |
| 3                                | 2020A0849 | Lê Thị Hồng     | Ánh   | Nữ   | 28/12/02  | 3     | 77  | Khá     | 780,000       | 5        | 3,900,000         | 106872834695 |
| 4                                | 2020A0065 | Trương Ngọc     | Yến   | Nữ   | 03/09/01  | 2.65  | 87  | Khá     | 780,000       | 5        | 3,900,000         | 102872540562 |
| 5                                | 2020A0873 | Cầm Diệu        | Thúy  | Nữ   | 20/03/02  | 2.55  | 72  | Khá     | 780,000       | 5        | 3,900,000         | 109872834707 |
| 6                                | 2020A0874 | Cà Thị          | Thươi | Nữ   | 28/01/01  | 3.4   | 72  | Khá     | 780,000       | 5        | 3,900,000         | 104872596022 |
| <b>Cộng lớp</b>                  |           |                 |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>23,650,000</b> |              |
| <b>K61 ĐH Giáo dục Mầm non A</b> |           |                 |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                                | 2020A0084 | Cà Thị          | Duyên | Nữ   | 31/01/02  | 2.74  | 74  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 107872834709 |
| 2                                | 2020A0072 | Lèo Thị Tâm     | Đan   | Nữ   | 29/03/02  | 3.26  | 88  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 109872540687 |
| 3                                | 2020A0074 | Lò Thị Thúy     | Diệp  | Nữ   | 19/08/02  | 3.26  | 80  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 107872540689 |
| 4                                | 2020A0092 | Lường Thị Hương | Giang | Nữ   | 06/07/02  | 2.65  | 80  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 101872540697 |
| 5                                | 2020A0098 | Vì Thị          | Hậu   | Nữ   | 12/05/02  | 3.22  | 82  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 109872540699 |
| 6                                | 2020A0106 | Quảng Thị       | Hương | Nữ   | 25/01/02  | 3.35  | 81  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 100872540703 |
| 7                                | 2020A0110 | Lường Thị Khánh | Huyền | Nữ   | 22/05/02  | 2.91  | 71  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 108872540705 |
| <b>Cộng lớp</b>                  |           |                 |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>35,300,000</b> |              |
| <b>K61 ĐH Giáo dục Mầm non B</b> |           |                 |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                                | 2020A0081 | Cà Thùy         | Dương | Nữ   | 08/04/02  | 2.7   | 83  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 106872541063 |



*ta*



|                                   |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   |                   |              |
|-----------------------------------|-----------|---------------|--------|-----|----------|------|----|------|-----------|---|-------------------|--------------|
| 2                                 | 2020A0095 | Lò Thị        | Hạnh   | Nữ  | 15/02/02 | 2.87 | 80 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 102872541070 |
| 3                                 | 2020A0121 | Hoàng Minh    | Lý     | Nữ  | 01/02/01 | 2.7  | 73 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 103872541081 |
| 4                                 | 2020A0111 | Liềm Thị      | Khánh  | Nữ  | 14/03/02 | 2.78 | 77 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 105872541077 |
| 5                                 | 2020A0119 | Lý Mé         | Linh   | Nữ  | 10/10/02 | 3.09 | 82 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 104872541080 |
| <b>Cộng lớp</b>                   |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   | <b>24,500,000</b> |              |
| <b>K61 ĐH Giáo dục Tiểu học A</b> |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   |                   |              |
| 1                                 | 2020A0164 | Ngân Thúy     | An     | Nữ  | 04/11/02 | 3.25 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 106872541106 |
| 2                                 | 2020A0324 | Quảng Thị     | Xuân   | Nữ  | 13/02/02 | 3.38 | 76 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 103872540452 |
| 3                                 | 2020A0236 | Tòng Thị      | Lan    | Nữ  | 27/04/02 | 3.17 | 87 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 107872541132 |
| 4                                 | 2020A0168 | Nguyễn Phương | Anh    | Nữ  | 04/05/98 | 3.54 | 83 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 105872540450 |
| 5                                 | 2020A0178 | Quảng Thị     | Chinh  | Nữ  | 04/07/02 | 3.42 | 80 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 103872541112 |
| 6                                 | 2020A0190 | Vàng Thùy     | Dung   | Nữ  | 09/02/02 | 3.46 | 83 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 106872541160 |
| 7                                 | 2020A0166 | Đinh Trúc     | Anh    | Nữ  | 01/06/02 | 3.38 | 87 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 105872541161 |
| 8                                 | 2020A0230 | Trần Thanh    | Huyền  | Nữ  | 09/09/02 | 3.38 | 90 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 108872541129 |
| 9                                 | 2020A0272 | Hoàng Thị Kim | Phượng | Nữ  | 10/03/01 | 3.5  | 87 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 108872541144 |
| 10                                | 2020A0298 | Lường Thị     | Trang  | Nữ  | 23/07/02 | 3.63 | 82 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 103872541151 |
| <b>Cộng lớp</b>                   |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   | <b>51,000,000</b> |              |
| <b>K61 ĐH Giáo dục Tiểu học B</b> |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   |                   |              |
| 1                                 | 2020A0255 | Lò Thị        | Ngoan  | Nữ  | 19/01/02 | 3.46 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 103872540489 |
| 2                                 | 2020A0267 | Lê Nguyên     | Nhung  | Nữ  | 12/02/02 | 3.79 | 84 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 107873033132 |
| 3                                 | 2020A0283 | Cà Minh       | Thảo   | Nữ  | 22/11/02 | 3.63 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 106872540498 |
| 4                                 | 2020A0309 | Lò Đức        | Tuấn   | Nam | 07/06/01 | 3.63 | 78 | Khá  | 980,000   | 5 | 4,900,000         | 103872540507 |
| 5                                 | 2020A0291 | Phạm Thị      | Thu    | Nữ  | 15/11/02 | 3.92 | 86 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 103872541149 |
| 6                                 | 2020A0205 | Quảng Thị     | Hảo    | Nữ  | 05/09/02 | 3.29 | 83 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 106872540474 |
| 7                                 | 2020A0217 | Bạc Thị Thu   | Hồng   | Nữ  | 23/11/02 | 3.33 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 101872540479 |
| 8                                 | 2020A0321 | Lò Văn        | Vương  | Nam | 05/03/02 | 3.54 | 80 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000         | 102872540511 |
| <b>Cộng lớp</b>                   |           |               |        |     |          |      |    |      |           |   | <b>40,950,000</b> |              |



32

| K61 ĐH Giáo dục Tiểu học Liên thông chính quy |           |                  |        |    |          |      |    |      |           |   |             |              |
|-----------------------------------------------|-----------|------------------|--------|----|----------|------|----|------|-----------|---|-------------|--------------|
| 1                                             | 2020A0018 | Phùng Thị        | Phương | Nữ | 25/04/91 | 3.73 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000   | 109873033143 |
| 2                                             | 2020A0024 | Lò Thu           | Trang  | Nữ | 05/10/98 | 4    | 84 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000   | 106872595537 |
| 3                                             | 2020A0007 | Nguyễn Thanh Kim | Huệ    | Nữ | 25/03/96 | 3.67 | 81 | Giỏi | 1,030,000 | 5 | 5,150,000   | 100873033139 |
|                                               | Cộng lớp  |                  |        |    |          |      |    |      |           |   | 15,450,000  |              |
|                                               | Cộng khoa |                  |        |    |          |      |    |      |           |   | 190,850,000 |              |

Sơn la, ngày 17 tháng 12 năm 2021

Trưởng Khoa



Trương Thị Tuyết Uyên

Phòng Kế toán - Tài chính

Phòng CTCT - QLNH



Dương Văn Mạnh

Người lập biểu



Nguyễn Tự Cường

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Thanh Tâm

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT-TC  
ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng






BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN K61 KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
Học kỳ 2, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 1328/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 12 năm 2021)

| STT                           | Mã SV     | Họ tên đệm | Tên   | Phái | Ngày sinh | ĐTBHB | ĐRL | Loại HB | Số tiền/tháng | Số tháng | Tổng tiền         | Số TK        |
|-------------------------------|-----------|------------|-------|------|-----------|-------|-----|---------|---------------|----------|-------------------|--------------|
| <b>K61 DH Sư phạm Ngữ văn</b> |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                             | 2020A0896 | Đặng Đình  | Khánh | Nam  | 15/11/02  | 2.65  | 77  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 102872834650 |
| 2                             | 2020A0907 | Hán Thị    | Hiền  | Nữ   | 26/07/02  | 3.1   | 75  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 109872834653 |
| <b>Cộng lớp</b>               |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>9,800,000</b>  |              |
| <b>K61 DH Sư phạm Lịch sử</b> |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                             | 2020A0913 | Bạc Cẩm    | Nam   | Nam  | 19/01/00  | 3.31  | 84  | Giỏi    | 1,030,000     | 5        | 5,150,000         | 108872595996 |
| <b>Cộng lớp</b>               |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>5,150,000</b>  |              |
| <b>K61 DH Sư phạm Địa lý</b>  |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          |                   |              |
| 1                             | 2020A0423 | Lữ Thúy    | Mai   | Nữ   | 18/07/02  | 2.86  | 75  | Khá     | 980,000       | 5        | 4,900,000         | 105872540520 |
| <b>Cộng lớp</b>               |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>4,900,000</b>  |              |
| <b>Cộng khoa</b>              |           |            |       |      |           |       |     |         |               |          | <b>19,850,000</b> |              |

Sơn la, ngày 17 tháng 12 năm 2021

P. Trưởng Khoa

*Phạm Thị Hương Huyền*

*Phạm Thị Hương Huyền*

Phòng Kế toán - Tài chính

*ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT-TC  
ThS. Nguyễn Thị Mai Hồng

Phòng CTCT - QLNH

*Dương Văn Mạnh*

Dương Văn Mạnh

Người lập biểu

*Nguyễn Tự Cường*

Nguyễn Tự Cường

Ban Giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Thanh Tâm